TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS - ST
Ngày:15/08/2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Minh Quân**.
2. Bà **Phạm Thị Ngọc Vân**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 05 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST – DS ngày 30 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ Phần S**.

Trụ sở: 128, Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật của Công ty: 1. Ông **Somyot N –** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Ông **Kanokwatpaisal N –** Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ Phần Sawad Tiền Có Ngay.

Ông **Kanokwatpaisal N** ủy quyền cho anh **Trần Thanh Q**, sinh năm 1992 – Nhân viên Công ty Cổ Phần S (Văn bản ủy quyền ngày 01/04/2025). (Anh Quản có đơn xin vắng mặt))

Địa chỉ liên hệ: N, Phường M, Quận S, TP Hồ Chí Minh (nay thuộc Phường P, TP Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh L**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 205, ấp A, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Phường Tr, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** <u>Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ Phần S trình bày</u>:**

Tại Hợp đồng cầm cố số MTM220501002NA15X ngày 05/05/2022 được ký kết giữa chị Nguyễn Thị Ánh L với Công ty Cổ phần S – Chi nhánh M, cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị Ánh L có cầm cố tài sản là 01 xe mô tô biển số 63B9 – 504.94, loại xe honda Wave đen cho Công ty Cổ phần S với số tiền cầm cố tài sản là 6.000.000 đồng; Thời hạn cầm cố là 12 tháng; Lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố. Ngoài ra, khi thanh toán quá hạn chị Lược còn phải chịu phí phạt bằng 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ; Theo thỏa thuận tiền gốc, tiền lãi và phí trả một lần vào ngày 05 hàng tháng; Mục đích cầm cố sử dụng mục đích cá nhân.

Quá trình thực hiện, chị Nguyễn Thị Ánh L đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S – Chi nhánh M số tiền 3.410.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ánh L ngưng không trả cho Công ty từ ngày 01/10/2022 cho đến nay. Dù Công ty đã nhiều lần yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh L thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng hợp đồng cầm cố đã ký kết nhưng chị L cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Công ty Cổ phần S yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh L phải có trách nhiệm trả Công ty số tiền tạm tính đến ngày 15/08/2025 là 7.766.777 đồng trong đó gồm: Số tiền gốc còn lại 4.125.559 đồng; Lãi trong hạn 1,1%/tháng 188.137 đồng; Lãi quá hạn 2.371.165; Phí 1.081.916 đồng (gồm Phí quản lý hồ sơ, Phí mượn xe). Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau khi chị Nguyễn Thị Ánh L thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty thì Công ty sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007465 ngày 11/02/2015 cho chị Nguyễn Thị Ánh L.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L, Tòa án nhân dân Khu vực M – Đồng Tháp đã thực hiện việc niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S thuộc tranh chấp dân sự là "Hợp đồng cầm cố tài sản". Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L cư trú tại 205, ấp A, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Phường Tr, tỉnh Đồng Tháp).

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực M – Đồng Tháp).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S – Đại diện theo ủy quyền anh Trần Thanh Q vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt, Công ty Cổ phần S – Đại diện theo ủy quyền anh Trần Thanh Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần S – Đại diện theo ủy quyền anh Trần Thanh Q.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ánh L.

[3] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số MTM220501002NA15X ngày 05/05/2022 và Phụ lục hợp đồng cầm cố (Điều khoản chung) ngày 05/05/2022 của Công ty Cổ phần S đã cho chị Nguyễn Thị Ánh L cầm cố tài sản là chiếc xe máy hiệu honda Wave, giá trị tài sản cầm cố là 7.800.000 đồng, số tiền cầm cố là 6.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng lãi suất trong hạn. Thời hạn cầm cố của hợp đồng là 12 tháng từ ngày 5/05/2022 đến ngày 5/05/2023. Theo thỏa thuận được ký kết trong hợp đồng, chị Nguyễn Thị Ánh L có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S vào ngày 05 hàng tháng số tiền 553.512,34 đồng, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ tháng 06 năm 2022, thời hạn trả cuối cùng là ngày 05/05/2023. Trong quá trình thực hiện, chị Nguyễn Thị Ánh L chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần S được 04 kỳ với tổng số tiền là 3.410.000 đồng (trong đó gồm tiền vốn gốc và lãi) thì ngưng không trả cho Công ty Cổ phần S từ ngày 01/10/2022 cho đến nay. Dù Công ty Cổ phần S đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở, đôn đốc nhưng chị Nguyễn Thị Ánh L vẫn không thanh toán các khoản nợ cho Công ty Cổ phần S. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L đã vi phạm hợp đồng cầm cố không trả nợ đúng như cam kết để trễ hẹn kéo dài. Công ty Cổ phần S yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh L trả tiền nợ vay vốn lãi một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Tại Hợp đồng cầm cố số MTM220501002NA15X ngày 05/05/2022 và Phụ lục hợp đồng cầm cố (Điều khoản chung) ngày 05/05/2022, chị Nguyễn Thị Ánh L có cầm cho Công ty 01 bản chính Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007465 ngày 11/02/2015 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh T cấp cho cho chị Nguyễn Thị Ánh L. Tuy chị L có ký hợp đồng cầm cố nhưng chiếc xe máy hiệu honda hiệu honda Wave biển số 63B9 – 504.94 thì chị L đang quản lý sử dụng (Công ty không có giữ chiếc xe này). Nay Công ty Cổ phần S chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh L phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/08/2025 là 7.766.777 đồng trong đó gồm tiền gốc còn lại 4.125.559 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1%/tháng 188.137 đồng, tiền lãi quá hạn 2.371.165, Phí 1.081.916 đồng. Thời gian trả một

lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chị Nguyễn Thị Ánh L trả đủ tiền cho Công ty thì Công ty hoàn trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007465 ngày 11/02/2015 cho chị Nguyễn Thị Ánh L.

[5] Phía bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh L còn nợ 7.766.777 đồng trong đó gồm tiền gốc còn lại 4.125.559 đồng, tiền lãi trong hạn (1,1%/tháng) 188.137 đồng, tiền lãi quá hạn 2.371.165 và các khoản phí 1.081.916 đồng. Do chị Nguyễn Thị Ánh L đã vi phạm về thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ được quy định tại Hợp đồng cầm cố số MTM220501002NA15X ngày 05/05/2022 và Phụ lục hợp đồng cầm cố (Điều khoản chung) ngày 05/05/2022 của Công ty Cổ phần S. Buộc chị Nguyễn Thị Ánh L phải trả nợ vốn lãi cho Công ty Cổ phần S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S là Công ty Cổ phần S nhận đủ số tiền nợ thì Công ty Cổ phần S trả lại chị Nguyễn Thị Ánh L 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007465 ngày 11/02/2015 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh T cấp cho chị Nguyễn Thị Ánh L.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 316, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S. Buộc chị Nguyễn Thị Ánh L phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 7.766.777 đồng (trong đó gồm: tiền nợ gốc 4.125.559 đồng, tiền lãi trong hạn 188.137 đồng, tiền lãi quá hạn 2.371.165 đồng và các khoản phí là 1.081.916 đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S là Công ty Cổ phần S nhận đủ số tiền nợ thì Công ty Cổ phần S trả lại chị Nguyễn Thị Ánh L 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007465 ngày 11/02/2015 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh T cấp cho chị Nguyễn Thị Ánh L.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 388.338 đồng.

Công ty Cổ Phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005890 ngày 14 tháng 05

năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp.
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo